

Bản án số: 59/2021/DS - ST

Ngày: 23 - 02 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Thành Viên

Bà Châu Thị Lệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23/02/2021, Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 431/2020/TLST-DS, ngày 22/10/2020. Về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-DS, ngày 15/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-DS, ngày 02/02/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân Hàng TMCP xuất nhập khẩu V; Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, tòa nhà V, số B đường L, Phường B, Quận M.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Ngô Thị Hòa A; chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch T.

Văn bản uỷ quyền lập ngày 27/11/2020.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh T; địa chỉ thường trú : Số N (số mới B) đường P, Phường C, quận G.

**NHẬN THẤY:**

1. Trong đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 12/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn, bà Ngô Thị Hòa A trình bày:

Ông Nguyễn Thanh T đã ký với Ngân Hàng TMCP xuất nhập khẩu V (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201305591, ngày 16/08/2013, Ngân hàng cấp tín dụng với số tiền là 127.000.000 đồng, thời gian cho vay là 120 tháng, kể từ ngày 16/8/2013 đến ngày 16/8/2023, lãi suất cho vay theo chương trình ưu đãi dành cho cán bộ nhân viên Ngân hàng là 8%/năm cố định trong 06 tháng đầu, sau đó lãi suất sẽ được điều chỉnh một tháng một lần theo cơ chế: lãi suất tiết kiệm 12 tháng do Eximbank Hội sở công bố (lãi cuối kỳ, không tính lãi suất dự thưởng, lãi suất bậc thang) + 0,6%/năm. Tuy nhiên, kể từ ngày 19/6/2017 lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay thông thường (do ông T bị sa thải theo QĐ số 3796/2017/EIB/QĐ-TGD, ngày 19/6/2017 của Tổng Giám đốc Eximbank); lãi suất cho vay từ ngày 19/6/2017 đến ngày 31/12/2019 là 14%/năm, lãi suất cho vay từ ngày 01/01/2020 đến nay là 16%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, phạt chậm trả lãi = [số tiền lãi chậm trả x lãi suất phạt (150% lãi suất cho vay trong hạn) x số ngày chậm trả]/30 (360 nếu lãi suất vay là lãi suất năm).

Từ ngày giải ngân đến ngày 15/3/2017, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 44.478.000 đồng.

Tính đến ngày 23/02/2021, ông T còn nợ Ngân hàng tiền gốc: 82.522.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 46.580.918 đồng; lãi quá hạn tính trên số tiền gốc chưa thanh toán: 298.885 đồng; lãi phạt chậm trả tính trên số tiền lãi chưa thanh toán: 837.191 đồng; Tổng cộng là 130.238.994 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số 2106-LAV-201500020, ngày 30/01/2015, Ngân hàng cấp tín dụng với số tiền là 22.000.000 đồng, thời gian cho vay là 120 tháng. Từ ngày giải ngân đến ngày 15/3/2017, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 4.600.000 đồng.

Tính đến ngày 23/02/2021, ông T còn nợ gốc: 17.400.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 9.821.720 đồng; Lãi quá hạn tính trên số tiền gốc chưa thanh toán: 51.931 đồng; Lãi phạt chậm trả tính trên số tiền lãi chưa thanh toán: 175.629 đồng. Tổng cộng là 27.449.280 đồng.

Tổng cộng số tiền ông T nợ Ngân hàng tính đến ngày 23/02/2021 của hai hợp đồng trên là 157.688.274 đồng.

Ngân hàng đã thông báo nhắc nợ cho ông T nhiều lần và yêu cầu ông T thanh toán nợ vay. Tuy nhiên, ông T đã rời khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo nơi cư trú mới cho Ngân hàng và vẫn chưa thanh toán nợ vay.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Ông Nguyễn Thanh T trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 23/02/2021 là 157.688.274 đồng. Trong đó nợ gốc là 99.922.000 đồng và nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt là 57.766.274 đồng.

2. Ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/02/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Trả tiền một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng có thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông T trả tiền vốn gốc và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn.

Riêng đối với yêu cầu buộc ông T trả tiền lãi phạt chậm trả tính trên số tiền lãi chưa thanh toán, Ngân hàng căn cứ Điều 2 và Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

2. Bị đơn - ông Nguyễn Thanh T không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ vay từ hợp đồng tín dụng. Ông T có hộ khẩu tại Phường C, quận G. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

*Về người tham gia tố tụng:*

Bị đơn - ông Nguyễn Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ lời khai của đương sự cũng như căn cứ tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201305591, ngày 16/8/2013 và Hợp đồng tín dụng số 2106-LAV-201500020, ngày 30/01/2015 được giao kết giữa Ngân hàng và ông T. Như vậy, giữa Ngân hàng và ông T có giao dịch về tài sản thông qua hợp đồng tín dụng.

Sau khi Tòa án ban hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông T không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và không nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) để phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Ông T vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả nợ vay. Điều đó thể hiện, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày 23/02/2021 nợ gốc là 99.922.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 56.402.638 đồng, lãi quá hạn là 350.816 đồng. Tổng cộng là 156.675.454 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông T tiếp tục trả tiền lãi quá hạn từ ngày 24/02/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Căn cứ Điều 5 của hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng không yêu cầu ông T trả tiền lãi phạt chậm trả tính trên số tiền lãi chưa thanh toán nên Hội đồng xét xử không xét.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, Ngân hàng không phải chịu án phí.

Ông T phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Cụ thể, ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng **số tiền 156.675.454 đồng**, án phí dân sự sơ thẩm phải nộp là 5% giá trị tài sản có tranh chấp **là 7.833.772 đồng**.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng TMCP xuất nhập khẩu V

1.1. Ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân Hàng TMCP xuất nhập khẩu V số tiền tính đến ngày 23/02/2021 là 156.675.454 (Một trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm năm mươi bốn) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201305591, ngày 16/8/2013 và Hợp đồng tín dụng số 2106-LAV-201500020, ngày 30/01/2015.

1.2. Ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi quá hạn từ ngày 24/02/2021 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Trả tiền một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho Ngân Hàng TMCP xuất nhập khẩu V số tiền tạm ứng án phí là 3.688.168 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0027428, ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

- Ông Nguyễn Thanh T **phải nộp** án phí dân sự sơ thẩm là **7.833.772 (Bảy triệu, tám trăm ba mươi ba ngàn, bảy trăm bảy mươi hai) đồng.**

3. Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- CCTHADS quận G;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hạnh**